

ĐỀ THI CHÍNH THỨC

(đề thi có **04** trang)

Ngày thi: 21/5/2025

(Thời gian: **50 phút** – không kể thời gian phát đề)

Họ, tên thí sinh:.....

Mã đề thi: 0925

Số báo danh:.....

PHẦN I. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 18. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.

Câu 1. Đặc điểm nào sau đây đúng với dân cư nước ta hiện nay?

- A. Mật độ dân số ở vùng đồng bằng cao hơn vùng đồi núi.
- B. Tỷ lệ dân số thành thị chiếm ưu thế so với nông thôn.
- C. Phân bố dân cư tương đối đồng đều giữa các vùng.
- D. Quy mô dân số đang có xu hướng ngày càng giảm.

Câu 2. Tình trạng ô nhiễm đất xung quanh các khu công nghiệp là do

- A. gia tăng sử dụng phân bón và thuốc trừ sâu.
- B. sử dụng hóa chất trong nông nghiệp làm xấu đất.
- C. chất thải công nghiệp chứa kim loại nặng độc.
- D. chất thải sinh hoạt và nước thải làng nghề.

Câu 3. Nhà máy thủy điện được xây nhiều ở nước ta chủ yếu do

- A. kỹ thuật ngày càng cao.
- B. ít ô nhiễm khí quyển.
- C. vận hành ít tốn kém.
- D. có tiềm năng rất lớn.

Câu 4. Yếu tố khí hậu nào sau đây đóng vai trò chủ đạo trong việc hình thành mùa khô kéo dài ở khu vực Nam Bộ nước ta?

- A. Tín phong bán cầu Bắc.
- B. Gió mùa Đông Bắc.
- C. Gió mùa Tây Nam.
- D. Gió phơn Tây Nam.

Câu 5. Ngành nông nghiệp ở nước ta hiện nay đang có xu hướng chuyển dịch theo hướng

- A. giảm nhanh chóng tỉ trọng của các hoạt động dịch vụ hỗ trợ nông nghiệp.
- B. đẩy mạnh việc xây dựng và phát triển thương hiệu cho các sản phẩm nông sản.
- C. tập trung chủ yếu vào sản xuất theo lối canh tác quảng canh truyền thống.
- D. ưu tiên tăng cường xuất khẩu các loại nông sản thô ra thị trường quốc tế.

Câu 6. Với trữ lượng tài nguyên và điều kiện hiện tại ở Việt Nam, nguồn năng lượng nào sau đây có tiềm năng lớn nhất cho phát triển nhiệt điện?

- A. Thác nước.
- B. Than đá.
- C. Thủy triều.
- D. Sức gió.

Câu 7. Định hướng phát triển cơ cấu ngành công nghiệp của nước ta hiện nay tập trung vào xu hướng nào sau đây?

- A. Giảm sản phẩm chất lượng cao.
- B. Tăng xuất khẩu sản phẩm thô.
- C. Ít thu hút đầu tư nước ngoài.
- D. Tăng tỉ trọng chế biến, chế tạo.

Câu 8. Một trong những đặc trưng của mạng lưới đô thị Việt Nam là

- A. sự phát triển vượt trội tại vùng trung du và miền núi.
- B. sự phân cấp rõ rệt về quy mô và chức năng đô thị.
- C. sự phân bố tương đối đồng nhất trên toàn bộ lãnh thổ.
- D. sự tồn tại của nhiều thành phố có quy mô cực kỳ lớn.

Câu 9. Yếu tố nào sau đây có vai trò chủ yếu trong việc tạo ra sự phân hóa thiên nhiên theo hướng Đông - Tây ở nước ta?

- A. các quá trình nội lực, biển, gió mùa và hướng các dãy núi.
- B. hình dạng lãnh thổ, gió đông bắc, tây nam và địa hình núi.
- C. Tín phong bán cầu Bắc, gió mùa mùa hạ, địa hình đồi núi.
- D. quá trình xâm thực ở đồi núi, bồi tụ nhanh các đồng bằng.

Câu 10. Ở Đồng bằng sông Cửu Long, hệ sinh thái nào sau đây chiếm diện tích lớn nhất?

- A. Hệ sinh thái rừng thưa và rừng ngập mặn.
- B. Hệ sinh thái rừng cận nhiệt và rừng ngập mặn.
- C. Hệ sinh thái rừng ngập mặn và rừng tràm.
- D. Hệ sinh thái rừng thường xanh và rừng tràm.

Câu 11. Nhân tố nào sau đây trực tiếp làm thay đổi cách sản xuất và tạo ra dịch vụ mới?

- A. Đặc điểm dân số.
- B. Vị trí địa lí, thị trường.
- C. Chính sách phát triển.
- D. Khoa học - công nghệ.

Câu 12. Trung du và miền núi Bắc Bộ tiếp giáp với vùng nào sau đây của nước ta?

- A. Đông Nam Bộ.
- B. Tây Nguyên.
- C. Đồng bằng sông Hồng.
- D. Đồng bằng sông Cửu Long.

Câu 13. Vị trí bán đảo của nước ta có tác động trực tiếp và rõ rệt nhất đến đặc điểm tự nhiên nào sau đây?

- A. Lượng mưa lớn, độ ẩm không khí thường xuyên cao.
- B. Thiên nhiên đa dạng với nhiều hệ sinh thái biển.
- C. Khí hậu nhiệt đới ẩm, phân mùa gió rõ rệt.
- D. Cảnh quan xanh tốt, sự sống phát triển quanh năm.

Câu 14. Về mặt kinh tế, các đảo và quần đảo của nước ta có ý nghĩa chiến lược chủ yếu là

- A. cơ sở pháp lý vững chắc để khẳng định chủ quyền biển đảo.
- B. điểm tựa quan trọng để bảo vệ an ninh và quốc phòng.
- C. nền tảng để phát triển các hoạt động khai thác tài nguyên biển.
- D. tuyến phòng thủ đầu tiên nhằm bảo vệ sự an toàn của đất liền.

Câu 15. Yếu tố nào có vai trò quyết định nhất trong việc thúc đẩy sự phát triển mạnh mẽ của giao thông vận tải biển Việt Nam hiện nay?

- A. Vùng biển rộng, bờ biển dài.
- B. Hoạt động du lịch phát triển.
- C. Nhiều vũng, vịnh sâu, kín gió.
- D. Hội nhập toàn cầu sâu, rộng.

Câu 16. Sản phẩm du lịch nào sau đây thể hiện rõ nét đặc trưng của vùng Đồng bằng sông Cửu Long?

- A. Du lịch biển, khám phá đảo và những di tích lịch sử ven biển.
- B. Du lịch sinh thái trên sông nước, trải nghiệm văn hóa miệt vườn.
- C. Du lịch nghỉ dưỡng cuối tuần và các hoạt động giải trí hiện đại.
- D. Du lịch sinh thái khám phá rừng núi và các cảnh quan tự nhiên.

Câu 17. Thế mạnh về tự nhiên nào sau đây tạo cho Đồng bằng sông Hồng có khả năng phát triển mạnh cây vụ đông?

- A. Có đất phù sa màu mỡ.
- B. Có một mùa đông lạnh.
- C. Có nguồn nước dồi dào.
- D. Có địa hình bằng phẳng.

Câu 18. Sở hữu hệ sinh thái đa dạng, cảnh quan tự nhiên đặc sắc và giá trị bảo tồn cao, các vườn quốc gia như Cúc Phương, Bạch Mã, Côn Đảo là môi trường lý tưởng cho loại hình du lịch nào sau đây?

- A. Du lịch nghỉ dưỡng.
- B. Du lịch mạo hiểm.
- C. Du lịch văn hóa.
- D. Du lịch sinh thái.

PHẦN II. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý **a), b), c), d)** ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1. Cho thông tin sau:

Phát triển kinh tế vùng, đặc biệt ở Đông Nam Bộ, đối mặt thách thức bảo vệ môi trường (ô nhiễm công nghiệp, chuyển đổi cây trồng). Phát triển kinh tế bền vững góp phần bảo vệ môi trường, tạo nguồn lực đầu tư cải tạo. Bảo vệ môi trường ở Đông Nam Bộ thúc đẩy kinh tế (công nghiệp, dịch vụ, du lịch hiệu quả), tạo cuộc sống văn minh, môi trường tốt cho xã hội, đô thị lớn.

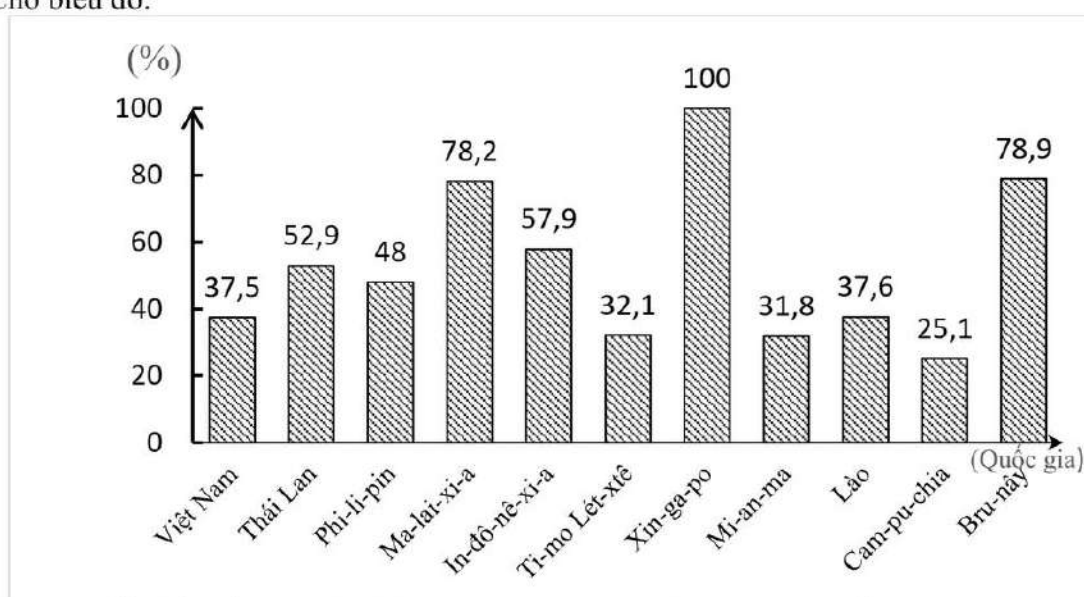
a) Áp dụng các công nghệ sản xuất sạch và xử lý chất thải hiệu quả chủ yếu giúp tăng chi phí sản xuất mà ít có tác động đến môi trường của vùng.

b) Việc phát triển các ngành công nghiệp tập trung ở Đông Nam Bộ có thể làm gia tăng tình trạng ô nhiễm môi trường trong khu vực.

c) Bảo vệ môi trường ở Đông Nam Bộ không chỉ giúp cải thiện chất lượng cuộc sống của người dân mà còn tạo điều kiện thuận lợi hơn cho sự phát triển bền vững của các ngành kinh tế như du lịch sinh thái.

d) Vùng Đông Nam Bộ đang phải đối mặt với những thách thức về bảo vệ môi trường do phát triển kinh tế.

Câu 2. Cho biểu đồ:



Biểu đồ thể hiện tỉ lệ dân thành thị các nước Đông Nam Á năm 2022

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2023, NXB Thống kê, 2023)

a) Cả Thái Lan và Philippines đều có tỉ lệ dân thành thị trên mức 50% vào năm 2022.

b) Tỉ lệ dân thành thị của Việt Nam năm 2022 thấp hơn 62,5% so với tỉ lệ dân thành thị của Singapore.

c) Tỉ lệ dân thành thị của Singapore gấp khoảng 3,98 lần tỉ lệ dân thành thị của Campuchia.

d) Các quốc gia có tỉ lệ dân thành thị cao thường có trình độ phát triển kinh tế và mức độ đô thị hóa thấp hơn so với các quốc gia có tỉ lệ dân thành thị thấp.

Câu 3. Cho thông tin sau:

Viễn thông Việt Nam phát triển hiện đại, phủ rộng, đóng góp vào công nghiệp hóa. Mạng lưới đa dạng (điện thoại, phi thoại, truyền dẫn). Thuê bao di động, Internet tăng, 4G phủ rộng. Năm 2021 có 2 vệ tinh VINASAT phủ sóng. Internet nhanh, băng rộng di động mạnh. Ưu tiên chuyển đổi số, đầu tư công nghệ, an ninh mạng.

a) Sự phát triển của mạng lưới viễn thông đóng vai trò quan trọng trong quá trình hiện đại hóa đất nước.

b) Sự phổ biến của điện thoại thông minh và mạng 4G đã tạo điều kiện thuận lợi cho việc phát triển các ứng dụng trực tuyến và dịch vụ số tại Việt Nam.

c) Mục tiêu chính của việc đầu tư vào công nghệ mới trong ngành viễn thông là làm chậm quá trình chuyển đổi số.

d) Việt Nam chỉ có một vệ tinh VINASAT được phóng vào năm 2021.

Câu 4. Cho thông tin sau:

Độ cao địa hình là yếu tố chính phân hóa khí hậu theo chiều thẳng đứng ở Việt Nam. Nhiệt độ giảm dần theo độ cao (trung bình 0,5-0,6°C/100m), trong khi lượng mưa thường tăng, đặc biệt ở vùng núi cao. Sự tương tác này tạo ra các đai khí hậu khác nhau: đai nhiệt đới và các đai cận nhiệt đới, ôn đới ở cao độ lớn hơn với đặc điểm riêng. Độ cao cũng ảnh hưởng đến thời gian và cường độ mưa giữa các vùng.

- a) Nhiệt độ có xu hướng giảm khi độ cao địa hình tăng.
- b) Các vùng núi cao như Sa Pa hay Đà Lạt có khí hậu mát mẻ hơn so với các vùng ven biển như Nha Trang chủ yếu là do sự khác biệt về độ cao địa hình.
- c) Sự khác biệt về nhiệt độ và lượng mưa giữa vùng đồng bằng và vùng núi cao ở nước ta chủ yếu là do sự khác biệt về vĩ độ địa lý.
- d) Độ cao địa hình là yếu tố duy nhất ảnh hưởng đến khí hậu theo chiều thẳng đứng.

PHẦN III. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6.

Câu 1. Cho bảng số liệu:

Sản lượng gỗ khai thác phân theo địa phương giai đoạn 2019-2022

(Đơn vị: m³)

Năm	2019	2022
Gia Lai	115,0	198,0
Đắk Lắk	367,8	436,7

(Nguồn: <https://www.nso.gov.vn/>)

Trong giai đoạn 2019-2022, tốc độ tăng trưởng sản lượng gỗ khai thác của Gia Lai cao hơn tốc độ tăng trưởng của Đắk Lắk bao nhiêu phần trăm? (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

Câu 2. Năm 2021, Bắc Trung Bộ có tổng diện tích rừng là 3131,1 nghìn ha, trong đó diện tích rừng trồng là 929,6 nghìn ha. Hãy tính tỉ lệ phần trăm diện tích rừng tự nhiên so với tổng diện tích rừng ở Bắc Trung Bộ (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

Câu 3. Cho bảng số liệu:

Lượng mưa trung bình các tháng năm 2023 tại trạm quan trắc ở Huế

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Lượng mưa (mm)	296,5	234,2	2,3	44,6	142,5	92,3	10,6	41,8	681,7	1613,3	1005,5	785,7

(Nguồn: <https://www.nso.gov.vn/>)

Căn cứ vào bảng số liệu, hãy cho biết năm 2023 sự chênh lệch lượng mưa giữa tháng có lượng mưa cao nhất và tháng có lượng mưa thấp nhất ở Huế là bao nhiêu mm (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

Câu 4. Theo thống kê, năm 2021 cả nước có 3,1% lực lượng lao động thiếu việc làm. Biết tổng lực lượng lao động của nước ta năm 2021 là 50,6 triệu người. Hãy tính số lượng người lao động thiếu việc làm của nước ta năm 2021 là bao nhiêu triệu người (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

Câu 5. Năm 2022, tổng giá trị xuất nhập khẩu của nước ta đạt 730,2 tỉ USD và cán cân thương mại là 12,4 tỉ USD. Hãy tính giá trị xuất khẩu của nước ta đạt bao nhiêu tỉ USD (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

Câu 6. Cho bảng số liệu:

Nhiệt độ không khí trung bình các tháng năm 2023 tại trạm quan trắc Nha Trang

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Nhiệt độ (°C)	24,4	25,2	25,6	28,6	29,3	29,5	29,2	29,8	29,0	28,0	27,0	26,3

(Nguồn: <https://www.nso.gov.vn/>)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy tính biên độ nhiệt độ năm ở Nha Trang là bao nhiêu °C (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

————— **HẾT** —————

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO KỶ THI THỬ TỐT NGHIỆP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG NĂM 2025

KHÁNH HÒA

HƯỚNG DẪN CHẤM

Môn thi: ĐỊA LÍ

	09 25	00 26	09 27	09 28	09 29	09 30	09 31	09 32	09 33	09 34	09 35	09 36	09 37	09 38	09 39	09 40	09 41	09 42	09 43	09 44	09 45	09 46	09 47	09 48
1	A	C	B	C	D	A	B	D	A	C	B	C	D	A	B	D	A	C	B	C	D	A	B	D
2	C	B	B	B	B	B	B	A	C	B	B	B	B	B	B	A	C	B	B	B	B	B	B	A
3	D	C	D	D	D	D	A	C	D	C	D	D	D	D	A	C	D	C	D	D	D	D	A	C
4	A	D	C	B	B	D	D	D	A	D	C	B	B	D	D	D	A	D	C	B	B	D	D	D
5	B	D	D	D	C	C	A	D	B	D	D	D	C	C	A	D	B	D	D	C	C	A	D	D
6	B	B	B	C	B	B	D	C	B	B	B	C	B	B	D	C	B	B	B	C	B	B	D	C
7	D	B	A	A	A	C	A	B	D	B	A	A	A	C	A	B	D	B	A	A	A	C	A	B
8	B	A	D	C	C	C	A	D	B	A	D	C	C	C	A	D	B	A	D	C	C	C	A	D
9	A	C	B	C	B	B	A	D	A	C	B	C	B	B	A	D	A	C	B	C	B	B	A	D
10	C	A	D	D	D	A	D	B	C	A	D	D	D	A	D	B	C	A	D	D	D	A	D	B
11	D	B	C	B	A	B	C	D	D	B	C	B	A	B	C	D	D	B	C	B	A	B	C	D
12	C	C	B	C	A	A	D	A	C	C	B	C	A	A	D	A	C	C	B	C	A	A	D	A
13	B	C	C	C	D	A	C	C	B	C	C	C	D	A	C	C	B	C	C	C	D	A	C	C
14	C	A	C	D	A	B	C	D	C	A	C	D	A	B	C	D	C	A	C	D	A	B	C	D
15	D	D	C	B	C	D	B	C	D	D	C	B	C	D	B	C	D	D	C	B	C	D	B	C
16	B	B	B	A	A	C	A	C	B	B	B	A	A	C	A	C	B	B	B	A	A	C	A	C
17	B	A	A	D	B	B	C	C	B	A	A	D	B	B	C	C	B	A	A	D	B	B	C	C
18	D	A	B	B	C	B	A	C	D	A	B	B	C	B	A	C	D	A	B	B	C	B	A	C
1a	S	D	S	D	D	S	D	S	S	D	S	D	D	S	D	S	S	D	S	D	D	S	D	S
1b	D	S	D	D	D	D	D	D	D	S	D	D	D	D	D	D	D	S	D	D	D	D	D	D
1c	D	S	S	S	S	D	D	D	D	S	S	S	S	D	D	D	D	S	S	S	S	D	D	D
1d	D	D	D	S	D	D	S	S	D	D	D	S	D	D	S	S	D	D	D	S	D	D	S	S
2a	S	S	S	D	S	D	S	D	S	S	S	D	S	D	S	D	S	S	S	D	S	D	S	D
2b	D	S	D	D	D	S	D	S	D	S	D	D	D	S	D	S	D	S	D	D	D	S	D	S
2c	D	D	S	S	D	S	D	D	D	D	S	S	D	S	D	D	D	D	S	S	D	S	D	D
2d	S	D	D	S	S	D	S	S	S	D	D	S	S	D	S	S	S	D	D	S	S	D	S	S
3a	D	S	S	D	D	D	D	S	D	S	S	D	D	D	D	S	D	S	S	D	D	D	D	S
3b	D	S	D	S	S	S	S	D	D	S	D	S	S	S	S	D	D	S	D	S	S	S	S	D

3c	S	D	S	D	D	D	S	S	S	D	S	D	D	D	S	S	S	D	S	D	D	D	S	S
3d	S	D	D	S	S	S	D	D	S	D	D	S	S	S	D	D	S	D	D	S	S	S	D	D
4a	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D
4b	D	D	D	S	S	S	D	D	D	D	D	S	S	S	D	D	D	D	D	S	S	S	D	D
4c	S	S	D	D	D	D	S	S	S	S	D	D	D	D	S	S	S	S	D	D	D	D	S	S
4d	S	D	S	D	S	S	S	D	S	D	S	D	S	S	S	D	S	D	S	D	S	S	S	D
1	53	371	5,4	70	70	1611	1,6	53	53	371	5,4	70	70	1611	1,6	53	53	371	5,4	70	70	1611	1,6	53
2	70	70	1,6	1611	371	53	371	5,4	70	70	1,6	1611	371	53	371	5,4	70	70	1,6	1611	371	53	371	5,4
3	1611	1,6	70	5,4	5,4	1,6	1611	371	1611	1,6	70	5,4	5,4	1,6	1611	371	1611	1,6	70	5,4	5,4	1,6	1611	371
4	1,6	1611	53	371	53	5,4	53	70	1,6	1611	53	371	53	5,4	53	70	1,6	1611	53	371	53	5,4	53	70
5	371	5,4	371	53	1611	371	70	1,6	371	5,4	371	53	1611	371	70	1,6	371	5,4	371	53	1611	371	70	1,6
6	5,4	53	1611	1,6	1,6	70	5,4	1611	5,4	53	1611	1,6	1,6	70	5,4	1611	5,4	53	1611	1,6	1,6	70	5,4	1611